

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2021/DS-ST
Ngày: 26/7/2021
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Hà Xuân Hiền

Bà Lê Thị Thúy Mai

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

Trong ngày 26 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 57/TLST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2021 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2021/QĐXXST- DS ngày 12 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Đức H; sinh năm 1960; Bà Nguyễn Thị T sinh năm 1966. Địa chỉ: Tổ dân phố 4P, phường B, TP. Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị P; sinh năm 1980; Địa chỉ: Ngõ 145, đường N, tổ Dân phố D, phường Đ, TP. Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- *Người làm chứng:* Anh Nguyễn Xuân T; sinh năm 1983

Địa chỉ: Số 15, Ngõ 33 đường H, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và ông Lê Đức H trình bày:

Trên cơ sở mối quan hệ quen biết với chị P, vào năm 2018 chị P có nhờ bà T vay giúp chị Nguyễn Thị P số tiền là 240.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi triệu đồng) của anh Nguyễn Xuân T để chị P làm ăn. Đến thời hạn trả nợ do chị P

không có khả năng trả nợ cho ông T, nên chị P đã đề nghị vợ chồng ông H bà T giúp đỡ, vợ chồng ông H bà T đã đồng ý đứng ra giúp chị P trả nợ số tiền 240.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi triệu đồng) cho ông Nguyễn Xuân T. Vợ chồng ông H bà T đã trả đủ số tiền trên cho ông T. Đồng thời, ngày 12/11/2018, chị Nguyễn Thị P đã lập một giấy mượn tiền của vợ chồng ông H bà T, với số tiền 240.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi triệu đồng) có chữ ký của chị P và có ông T làm chứng ký. Nội dung giấy mượn tiền do chị P lập thì chị P cam kết sẽ trả nợ cho vợ chồng ông H bà T mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu đồng) cho đến khi hết nợ. Tuy nhiên từ đó đến nay, chị P không trả nợ cho vợ chồng ông H bà T một đồng nào. Vì vậy ông H bà T, làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Nguyễn Thị P trả số tiền tính đến phiên tòa (ngày 26/7/2021), tổng số tiền nợ mà bà P còn nợ vợ chồng ông H bà T là 240.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi triệu đồng). Ông H bà T không yêu cầu chị P trả tiền lãi.

Tại bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa bị đơn chị Nguyễn Thị P thừa nhận do có quan hệ quen biết nên có nhờ chị tâm vay anh T với số tiền 240.000.000 đồng. Sau đó vì không có điều kiện để trả nợ nên nhờ vợ chồng anh H chị T trả giúp. Do vậy ngày 12/11/2018 chị P có viết giấy mượn tiền của ông Lê Đức H và bà Nguyễn Thị T. Tại bản tự khai cũng như các buổi hòa giải chị P thừa nhận ngày 12/11/2018, chị P là người lập giấy mượn tiền với toàn bộ nội dung đúng như ông H, bà T vừa trình bày. Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa bà P đồng ý số nợ mà chị P phải trả cho ông H, bà T là: 240.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi triệu đồng). Khi mượn tiền, chị P có cam kết sẽ trả nợ cho vợ chồng ông H, bà T mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu đồng) cho đến khi hết nợ, tuy nhiên đến nay chị P vẫn chưa trả được nợ cho ông H, bà T. Lý do vì năm 2020 đến nay chị P làm ăn khó khăn do tình hình dịch bệnh Covid, thiên tai và lũ lụt nên chị P chưa thực hiện đúng như cam kết. Nếu ông H, bà T đồng ý cho bà P trả dần thì mỗi tháng bà P sẽ trả cho vợ chồng ông H, bà T mỗi tháng 1.000.000 (một triệu đồng) cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên ý kiến của mình. Trong quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự đã thừa nhận khoản nợ vay, nhưng không thỏa thuận được với nhau thời gian, lộ trình trả nợ nên vụ án không thỏa thuận được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp:

Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi lại tài sản cho vay là tiền, căn cứ vào giấy mượn tiền viết ngày 12/11/2018 giữa hai bên, kể từ ngày hẹn trả nợ đến nay chưa quá 3 năm, đây là tranh chấp phát sinh giữa cá nhân và cá nhân, bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, nội dung tranh chấp giữa ông

H bà T và chị P làm phát sinh quan hệ về giao dịch dân sự tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015. Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới thụ lý giải quyết là đúng theo quy định pháp luật, và đúng quy định về thẩm quyền được quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

[2] Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào tài liệu là giấy mượn tiền ngày 12/11/2018 có tại hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự, có đủ cơ sở xác định: Việc ông Lê Đức H và bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị P chịu trách nhiệm trả cho vợ chồng ông Lê Đức H và bà Nguyễn Thị T số tiền là: 240.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi triệu đồng) là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì, thời điểm vay mượn tiền chị P có đủ năng lực hành vi dân sự, giấy viết mượn tiền là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc, trong quá trình viết bản tự khai, thông qua các buổi hòa giải, bị đơn chị Nguyễn Thị P cũng đã thừa nhận vì nhu cầu cá nhân nên có mượn của vợ chồng ông Lê Đức H và bà Nguyễn Thị T số tiền là: 240.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi triệu đồng). Sau đó chị P không trả được cho vợ chồng ông Lê Đức H và bà Nguyễn Thị T với lý do vì bản thân đau ốm, tình hình kinh tế khó khăn. Và hiện tại tính đến ngày 26/7/2021 chị P thừa nhận còn nợ vợ chồng ông Lê Đức H và bà Nguyễn Thị T số tiền là: 240.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi triệu đồng).

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn là chị Nguyễn Thị P trả cho nguyên đơn là vợ chồng ông Lê Đức H và bà Nguyễn Thị T tính đến ngày 26/7/2021 số tiền gốc là: 240.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi triệu đồng).

[3] Về lãi suất:

Xét thấy, tại các buổi hòa giải cũng như tại phiên tòa, vợ chồng ông Lê Đức H và bà Nguyễn Thị T không yêu cầu chị P trả tiền lãi. Do có Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 của bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Đức H và bà Nguyễn Thị T được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí, bị đơn chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung quỹ nhà nước trên tổng số tiền 240.000.000 đồng x 5% = 12.000.000 đồng. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí 6.000.000 đồng mà ông Lê Đức H và bà Nguyễn Thị T đã nộp tại Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Đồng hới theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số:

AA/2020/0002006 ngày 01/6/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Đức H và bà Nguyễn Thị T

1.1. Buộc bị đơn chị Nguyễn Thị P phải trả cho ông Lê Đức H và bà Nguyễn Thị T số tiền là 240.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày 27/7/2021 cho đến khi thi hành án xong, thì hàng tháng chị P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí Dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn ông Lê Đức H và bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho ông Lê Đức H và bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.000.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2020/0002006 ngày 01/6/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

- Bị đơn chị Nguyễn Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 12.000.000 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn, có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh QB;
- VKSND TP Đồng Hới;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

- Chi cục THADS TP Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án.

Nguyễn Thị Mỹ Lệ